TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **73**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11/5/2026
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đông

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Ngọc Thảo

2. Ông Đoàn Văn Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Thảo – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 84/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thùy L - Sinh năm 1991

Địa chỉ: Số A M, phường B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Vũ Văn N - Sinh năm 1984

Địa chỉ: Số B X, phường B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Thùy L trình bày có nội dung như sau:

Bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Vũ Văn N kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 08/12/2015.

Quá trình chung sống ông, bà có 01 con chung là Vũ Gia B, sinh ngày 09/10/2016.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian đầu ông, bà sống hạnh phúc, sau khi sinh cháu Vũ Gia B thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình của ông, bà có nhiều khác biệt, không có tiếng nói chung, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, mục đích hôn nhân không đạt được; ông, bà đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Đến nay mâu thuẫn đã kéo dài, vì vậy đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Vũ Văn N.

Về con chung: Hiện nay, cháu Vũ Gia B đang sinh sống với ông Vũ Văn N nên khi ly hôn bà L đồng ý giao cháu Vũ Gia B cho ông N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, bị đơn – Ông Vũ Văn N trình bày có nội dung như sau:

Ông Vũ Văn N và bà Nguyễn Thị Thùy L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 08/12/2015.

Quá trình chung sống ông, bà có 01 con chung là cháu Vũ Gia B, sinh ngày 09/10/2016.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên bà L đã bỏ nhà đi, ban đầu nói là đi Sài Gòn để làm việc, sau đó thì mấy năm nay biệt tích ông N không có nghe tin tức của bà L nữa. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, ông, bà không thể chung sống với nhau được nữa. Bà L có đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn thì ông N đồng ý ly hôn.

Về con chung: Hiện nay cháu Vũ Gia B đang sống cùng với ông N nên khi ly hôn ông N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Gia B đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông N yêu cầu bà Nguyễn Thị Thùy L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cháu Vũ Gia B mỗi tháng là 2.000.000đồng cho đến khi cháu B đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy L. Cho bà Nguyễn Thị Thùy L được ly hôn với ông Vũ Văn N.

Về con chung: Chấp nhận giao con chung là cháu Vũ Gia B, sinh ngày 09/10/2016 cho ông Vũ Văn N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chấp nhận bà Nguyễn Thị Thùy L phải cấp dưỡng nuôi con chung cháu Vũ Gia B, sinh ngày 09/10/2016, mức cấp dưỡng hàng tháng là 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Vũ Văn N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Vũ Văn N, cư trú tại: Số B X, phường B, tỉnh Đắk Lắk. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy L và bị đơn ông Vũ Văn N đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông N là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Vũ Văn N đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 08/12/2015 (Nay là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đắk Lắk). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Vũ Văn N xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và ông, bà đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Thùy L yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Vũ Văn N.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông Vũ Văn N xác định vợ chồng bất đồng quan điểm sống, đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, ông, bà không thể chung sống với nhau được nữa nên bà L khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn thì ông N đồng ý ly hôn.

Kết quả xác minh tại địa phương cho biết: Sau khi sinh con chung một thời gian thì bà L bỏ nhà đi cho đến nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng

thì địa phương không nắm được nên không thể cung cấp. Nay bà L có đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Vũ Văn N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thùy L xin ly hôn với ông Vũ Văn N, là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Xét về con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Vũ Văn N có một con chung là cháu Vũ Gia B, sinh ngày 09/10/2016. Bà Nguyễn Thị Thùy L xác định hiện nay cháu Vũ Gia B đang sinh sống cùng với ông Vũ Văn N, nên bà có nguyện vọng giao con chung cháu Vũ Gia B cho ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Vũ Gia B đang sống cùng với ông N và nguyện vọng của cháu là được sống cùng với ba. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của cháu nên cần giao cháu Vũ Gia B, sinh ngày 09/10/2016 cho ông Vũ Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án, ông Vũ Văn N yêu cầu bà Nguyễn Thị Thùy L phải cấp dưỡng nuôi con chung cháu Vũ Gia B với mức cấp dưỡng là 2.000.000đồng/01 tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con", con chung được giao cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng do đó cần buộc bà L cấp dưỡng nuôi con chung cháu Vũ Gia B là phù hợp.

Tại đơn trình bày ý kiến đề ngày 20/3/2026, bà L đồng ý với yêu cầu của ông N về việc cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo về điều kiện nuôi dạy con chung, ghi nhận việc bà L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cháu Vũ Gia B với mức cấp dưỡng hàng tháng là 2.000.000 đồng và thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2026 cho đến khi cháu Vũ Gia B đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định tại Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Vũ Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn và về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy L được ly hôn với ông Vũ Văn N.

- Về con chung: Giao con chung cháu Vũ Gia B, sinh ngày 09/10/2016 cho ông Vũ Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Bà Nguyễn Thị Thùy L, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy L tự nguyện cấp dưỡng để nuôi con chung cháu Vũ Gia B, sinh ngày 09/10/2016, mức cấp dưỡng hàng tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2026 cho đến khi cháu Vũ Gia B đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn, và 300.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000976 ngày 26 tháng 01 năm 2026 (do ông Nguyễn Tiến T nộp thay). Bà Nguyễn Thị Thùy L còn phải nộp 300.000 án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lăk;
- VKSND khu vực 1 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND phường B, tỉnh Đắk Lắk (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 164, quyển số N/2015 ngày 08/12/2015 của UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Thị Đông